



盤名称(自)	盤名称(至)	電気方式	Cable No.	ケーブルサイズ	施行区分	
No. 3 屋外キュービクル L11 低圧配電盤	440Vリーファコンセント C-1	3φ3W 440V		600V CV-T 6	新設ケーブル	
	C-2			600V CV-T 6		
	C-3			600V CV-T 6		
	C-4			600V CV-T 6		
	C-5			600V CV-T 6		
	C-6			600V CV-T 6		
	C-7			600V CV-T 6		
	C-8			600V CV-T 6		
	C-9			600V CV-T 6		
	C-10			600V CV-T 6		
	C-11			600V CV-T 6		
	C-12			600V CV-T 6		
No. 3 屋外キュービクル L12 低圧配電盤	440Vリーファコンセント C-13	3φ3W 440V		600V CV-T 6	新設ケーブル	
	C-14			600V CV-T 6		
	C-15			600V CV-T 6		
	C-16			600V CV-T 6		
	C-17			600V CV-T 6		
	C-18			600V CV-T 6		
	100Vコンセント C-7, C-17	1φ2W 105V		600V CV -2C	新設ケーブル	
	接地幹線 E3ELB			IV 1		
	No. 2 屋外キュービクル L11 低圧配電盤	440Vリーファコンセント B-1	3φ3W 440V		600V CV-T 6	新設ケーブル
		B-2			600V CV-T 6	
		B-3			600V CV-T 6	
		B-4			600V CV-T 6	
B-5				600V CV-T 6		
B-6				600V CV-T 6		
B-7				600V CV-T 6		
B-8				600V CV-T 6		
B-9				600V CV-T 6		
B-10				600V CV-T 6		
B-11				600V CV-T 6		
B-12				600V CV-T 6		
No. 2 屋外キュービクル L12 低圧配電盤	440Vリーファコンセント B-13	3φ3W 440V		600V CV-T 6	新設ケーブル	
	B-14			600V CV-T 6		
	B-15			600V CV-T 6		
	B-16			600V CV-T 6		
	B-17			600V CV-T 6		
	B-18			600V CV-T 6		
	100Vコンセント B-7, B-17	1φ2W 105V		600V CV -2C	新設ケーブル	
	接地幹線 E3ELB			IV 1		
	No. 1 屋外キュービクル L11 低圧配電盤	440Vリーファコンセント A-1	3φ3W 440V		600V CV-T 6	新設ケーブル
		A-2			600V CV-T 6	
		A-3			600V CV-T 6	
		A-4			600V CV-T 6	
A-5				600V CV-T 6		
A-6				600V CV-T 6		
A-7				600V CV-T 6		
A-8				600V CV-T 6		
A-9				600V CV-T 6		
A-10				600V CV-T 6		
A-11				600V CV-T 6		
A-12				600V CV-T 6		
No. 1 屋外キュービクル L12 低圧配電盤	440Vリーファコンセント A-13	3φ3W 440V		600V CV-T 6	新設ケーブル	
	A-14			600V CV-T 6		
	A-15			600V CV-T 6		
	A-16			600V CV-T 6		
	A-17			600V CV-T 6		
	A-18			600V CV-T 6		
	100Vコンセント A-7, A-17	1φ2W 105V		600V CV -2C	新設ケーブル	
	接地幹線 E3ELB			IV 1		

